

Số: 64 /2025/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Quy định về quản lý hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 200/TTr-SXD ngày 22 tháng 7 năm 2025; Báo cáo thẩm định số 189/BC-STP ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Sở Tư pháp và ý kiến thống nhất của các thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về quản lý hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 8 năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu; các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các Đoàn thể CT-XH;
- V0, V1, XD1, GT2, TH4;
- Lưu: VT, NC2.

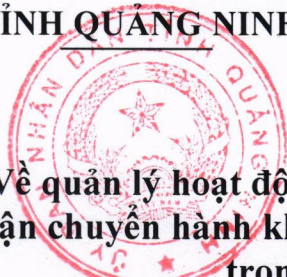
GTVT-02b

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Vũ Văn Diện

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY ĐỊNH

Về quản lý hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 64 /2025/QĐ-UBND ngày 18/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về quản lý hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh theo khoản 5 Điều 44 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024.

2. Các nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và vận chuyển hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

2. Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị, vận chuyển hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hoạt động vận tải đường bộ* là việc tổ chức, cá nhân sử dụng xe thô sơ, xe cơ giới để vận tải người, hàng hoá trên đường bộ trong nước, quốc tế. Hoạt động vận tải đường bộ gồm hoạt động kinh doanh vận tải và hoạt động vận tải nội bộ (quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Đường bộ).

2. *Kinh doanh vận tải đường bộ* là hoạt động do tổ chức, cá nhân (sau đây gọi là đơn vị kinh doanh vận tải) sử dụng xe thô sơ, xe cơ giới để cung cấp dịch vụ vận tải người, hàng hoá trên đường bộ nhằm mục đích sinh lợi (quy định tại khoản 4 Điều 56 Luật Đường bộ).

3. *Hoạt động vận tải nội bộ* là hoạt động vận tải không kinh doanh, không thu tiền cước, chi phí vận tải được tính vào chi phí quản lý, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm hoặc dịch vụ của người vận tải (quy định tại khoản 12 Điều 56 Luật Đường bộ).

4. *Người khuyết tật* là người bị khiếm khuyết một hoặc nhiều bộ phận cơ thể hoặc bị suy giảm chức năng được biểu hiện dưới dạng tật khiến cho lao động, sinh hoạt, học tập gặp khó khăn (quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Người khuyết tật).

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ

Điều 4. Quy định chung về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo thông suốt, trật tự, an toàn và hiệu quả; góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh và bảo vệ môi trường; thực hiện theo quy định tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

2. Phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị phải tuân thủ các điều kiện về phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Người điều khiển phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và phải chấp hành nghiêm, đầy đủ các quy tắc giao thông đường bộ, các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ, Luật Đường bộ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 5. Quy định đối với đơn vị kinh doanh vận tải và phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Đối với đơn vị kinh doanh vận tải: Có Giấy phép kinh doanh vận tải do Sở Xây dựng cấp còn hiệu lực.

2. Phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải đảm bảo các điều kiện và quy định như sau:

a) Đáp ứng các điều kiện đối với phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

b) Còn niên hạn sử dụng theo quy định của Chính phủ đối với từng loại phương tiện theo quy định tại Điều 40 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

c) Bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới trong nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp theo quy định tại Điều 41 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

d) Bảo đảm an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại các khoản 1, khoản 3 và khoản 4 Điều 42 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

e) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ô tô vận chuyển hành khách theo quy định tại Điều 45 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

g) Bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ của ô tô vận chuyển hàng hóa theo quy định tại Điều 49 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

h) Phương tiện tham gia hoạt động kinh doanh vận tải phải được Sở Xây dựng cấp phù hiệu theo quy định của Chính phủ phù hợp với loại hình kinh doanh vận tải phương tiện đó đang hoạt động; phù hiệu phải còn giá trị theo thời hạn và

không bị thu hồi, không quá thời hạn so với niên hạn sử dụng của phương tiện theo quy định.

Điều 6. Quy định về thời gian, phạm vi hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Các phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ được phép hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị trên địa bàn tỉnh, trừ các tuyến đường, khu vực bị cấm hoặc hạn chế hoạt động theo quy định của cấp có thẩm quyền; phải tuân theo tổ chức giao thông của lực lượng chức năng, chấp hành hệ thống biển báo hiệu đường bộ tại từng khu vực; trong quá trình lưu thông phải có đầy đủ giấy tờ còn hiệu lực do cơ quan có thẩm quyền cấp cho phương tiện theo Luật định.

2. Trong tình trạng khẩn cấp hoặc thiên tai, dịch bệnh có quy định khác thì thực hiện theo các quy định đó.

Điều 7. Quy định riêng đối với một số loại phương tiện vận tải đường bộ trong đô thị

1. Thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện theo quy định tại Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

2. Việc sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện theo quy định tại Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Chương III

TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG ĐÔ THỊ

Điều 8. Quy định về phương tiện

1. Ô tô khách thành phố phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 82:2019/BGTVT về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận, sử dụng (*ban hành kèm theo Thông tư số 26/2019/TT-BGTVT ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải*).

2. Trên xe phải trang bị dụng cụ thoát hiểm; đảm bảo điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với phương tiện giao thông cơ giới theo quy định tại Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy (*được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 50/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ*).

3. Phương tiện vận tải hành khách công cộng phải đáp ứng các quy định về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải.

Điều 9. Tỷ lệ phương tiện đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật và lộ trình thực hiện

1. Tỷ lệ (%) phương tiện của doanh nghiệp, hợp tác xã vận tải (sau đây gọi tắt là đơn vị vận tải) đăng ký tham gia khai thác tuyến cố định, xe buýt hoạt động trong đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh phải bảo đảm có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật như sau:

a) Trong năm 2026, đạt tỷ lệ tối thiểu 10% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

b) Từ năm 2027 đến hết năm 2030, đạt tỷ lệ tối thiểu 20% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

c) Sau năm 2030, đạt tỷ lệ tối thiểu 30% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật.

2. Đối với những đơn vị vận tải trúng thầu hoặc được đặt hàng khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt sử dụng nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích phải có ít nhất 01 phương tiện trở lên đăng ký hoạt động trên tuyến có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật đáp ứng yêu cầu quy định tại Điều 8 của Quy định này, sau đó phải tuân thủ lộ trình thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước

1. Sở Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh, Ủy ban nhân dân các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

b) Thực hiện quản lý hoạt động vận tải trên địa bàn theo thẩm quyền; phối hợp với Ủy ban nhân dân các địa phương, các đơn vị có liên quan tham mưu, thực hiện việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật cho người khuyết tật tiếp cận, sử dụng.

c) Chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải khách công cộng theo tuyến cố định, vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng theo quy định.

d) Tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Quy định này, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

2. Công an tỉnh

a) Chủ trì tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm về trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các địa phương trong công tác tổ chức giao thông, bảo đảm an toàn giao thông trong đô thị và các tuyến đường giao thông trên địa bàn tỉnh.

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn giao thông và Quy định này cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

c) Chỉ đạo Công an các địa phương phối hợp tổ chức rà soát, đề xuất cấp có thẩm quyền lắp đặt biển báo cấm hoặc hạn chế hoạt động đối với các phương tiện ra vào khu vực nội thị (đặc biệt là hạn chế các phương tiện có tải trọng lớn) đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt.

3. Trung tâm truyền thông tỉnh tổ chức tuyên truyền, phổ biến nội dung của Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan trên các phương tiện thông tin đại chúng đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

4. Ủy ban nhân dân các địa phương

a) Rà soát, lắp đặt biển báo hiệu giao thông đường bộ phù hợp với Quy định này đối với các tuyến đường thuộc thẩm quyền quản lý.

b) Căn cứ tình hình thực tế của đô thị trên địa bàn, xác định khung giờ cao điểm đề xuất Sở Xây dựng trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể về khung giờ cao điểm để các loại phương tiện hoạt động cho phù hợp.

c) Quy định vị trí dừng, đỗ xe, tập kết rác thải tập trung đảm bảo thuận lợi, an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị.

d) Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Quy định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị biết để chấp hành.

e) Thống kê danh sách các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn quản lý; tổ chức quản lý hoạt động của các chủ thể kinh doanh, đảm bảo trật tự an toàn giao thông đường bộ và trật tự an toàn đô thị trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

g) Tổng hợp, báo cáo việc triển khai Quy định này tại địa phương và tình hình hoạt động vận tải đường bộ trên địa bàn về Sở Xây dựng khi có yêu cầu.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh kịp thời về Sở Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy định này./.